**Phụ lục I**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**TRƯỜNG MN MĂNG NON**Số: 243 /BC-MN.MN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Phú Cường, ngày 18 tháng 12 năm 2024* |

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON 1

## Năm 2024

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

# I.THÔNG TIN CHUNG2

1.Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có): Trường Mầm Non Măng Non

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Số điện thoại: 0274.3822.633

Địa chỉ thư điện tử: mn-mangnon@tptdm.edu.vn

Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử): <https://mnmangnon.tptdm.edu.vn/admin/>

1. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

4.Loại hình: Trường Mầm non công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

5. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

## \* Sứ mạng

Trường Mầm non Măng Non tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non do Bộ GDĐT ban hành; đem đến một môi trường chăm sóc giáo dục mới, mở, truyền tải khơi gợi cảm hứng vui chơi, học tập, hỗ trợ các cháu tận tâm và được hưởng nhiều phúc lợi khác.

## \* Tầm nhìn

Trường Mầm non Măng Non địa chỉ 27 Nguyễn Đình Chiểu phường Phú Cường là trường ở vị trí trung tâm TP Thủ Dầu Một, được hoạt động từ tâm huyết của đội ngũ, phấn đấu nâng cao chất lượng hoạt động để trẻ em được tiếp cận với những điều ưu việt nhất của giáo dục mầm non.

**\* Mục tiêu**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, nơi mỗi trẻ được tôn trọng và phát huy tối đa cá tính, năng khiếu riêng biệt, hướng đến sự phát triển toàn diện về nhân cách, tư duy và kỹ năng sống.

- Hình thành phẩm chất đạo đức: Nuôi dưỡng lòng yêu thương, sự lễ phép và tinh thần trách nhiệm, giúp trẻ biết quan tâm, chia sẻ với mọi người xung quanh. Rèn luyện những thói quen lành mạnh, có lợi cho sức khỏe.

- Phát triển tư duy sáng tạo và tài năng: Khuyến khích trẻ khám phá, sáng tạo và bộc lộ năng khiếu tự nhiên. Tạo điều kiện để trẻ sớm tiếp cận công nghệ thông tin và ngoại ngữ, chuẩn bị hành trang hội nhập trong tương lai.

- Xây dựng kỹ năng sống: Dạy trẻ tính tự lập, trung thực, tự tin và khả năng hòa nhập tốt trong tập thể.

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên: Giúp trẻ hình thành ý thức bảo vệ môi trường, yêu quý cây xanh, vật nuôi và sống hài hòa với thiên nhiên.

- Hướng đến công dân tương lai: Trang bị cho trẻ nền tảng vững chắc để phát triển toàn diện, trở thành những công dân có ích, đóng góp cho xã hội và đất nước.

1. Tóm tắt Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phượng Liên chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: 27 Nguyễn Đình Chiểu Khu phố 5, phường Phú Cường, Tp. TDM, Bình Dương

- Số điện thoại: 0937.814.816

- Địa chỉ mail: phuongliensonca@gmail.com

1. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 102/QĐ-UB ngày 4 tháng 4 năm 1990 của Ủy ban nhân dân thị xã TDM về việc thành lập trường mẫu giáo bán công Măng Non;

- Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị Xã Thủ Dầu Một về việc đổi trường mẫu giáo bán công Măng Non sang công lập từ tháng 3/2007 tên gọi T/MG Măng Non

- Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc chuyển đổi loại hình trường MG Măng Non sang loại hình trường MN Măng Non từ 01/6/2020.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 137 /QĐ-UBND ngày 31/01/2024 về việc công nhận Hội đồng trường Mầm non Măng Non nhiệm kỳ 2024-2028.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng Nguyễn Thị Phượng Liên được bổ nhiệm theo Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 12/12/2024.

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hoài Ân được bổ nhiệm theo Quyết định số 4384 /QĐ- UBND ngày 18/9/2024

- Phó Phó Hiệu trưởng Đặng Thị Ánh Hồng được bổ nhiệm theo Quyết định số 4385 /QĐ- UBND ngày 18/9/2024

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành kèm Quyết định số 146 /QĐ- MN.MN ngày 06/10 /2024.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Phượng Liên

Số điện thoại: 0937.814.816

Email: phuongliensonca@gmail.com

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hoài Ân

Số điện thoại: 0944.838.889

Email: hoaian07@gmail.com

- Phó hiệu trưởng: Đặng Thị Ánh Hồng

Số điện thoại: 0974.784.961

Email: cohong1974@gmail.com

Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

*(Có bản đính kèm)*

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN3**

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Tổng số: 62

- GV: 37

- CBQL: 03

- NV: 22 ( 2 KT, 1VT, 5BV, 11CD, 3PV )

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

- GV: 37, ĐH 25, CĐ 10, TC 02 - đạt chuẩn nghề nghiệp 35/37 tỉ lệ 94.59%.

- CBQL: 03, ĐH 03/03 - đạt chuẩn nghề nghiệp 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

GV: 37/37 đạt 100%, CBQL: 03/03 đạt 100%, NV: 12/12 đạt 100%.

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT4**

- Điểm trường: 02

**CƠ SỞ 1:**

a. Diện tích khu đất xây dựng trường: 2.266,8 m2

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

 + Nhà trường có tổng diện tích xây dựng là 3.034 m2/381 trẻ, tỷ lệ bình quân 7.96 m2/ trẻ đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0698865, cấp ngày 29/05/1995.

b. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng

- Hành chính quản trị: Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT: 01 phòng Hiệu trưởng, diện tích 15m2; 01 phòng phó Hiệu trưởng, diện tích 47m2; 01 phòng hành chính quản trị diện tích 23m2; 01 Phòng y tế diện tích 23m2;

- Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Nhà trường có 12 nhóm, lớp/15 phòng sinh hoạt chung diện tích 132m2 (có 01 phòng ngủ, 1 phòng sinh hoạt chung có đủ đồ dùng, thiết bị cho trẻ hoạt động ăn, ngủ, học tập, vui chơi, nhà vệ sinh, kho); Trường có 01 phòng nghệ thuật diện tích 70m2, 01 phòng làm quen tin học 47m2, 01 phòng thư viện 23m2;

- Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn) Trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, diện tích 163m2/381 trẻ, bình quân 0.43m2/trẻ gồm khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, được thiết kế và tổ chức hoạt động theo quy trình bếp một chiều. Khu vực bếp có 02 kho, kho thực phẩm diện tích 12m2, kho lương thực diện tích 12m2;

- Khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; 01 văn phòng trường, diện tích 27 m2; 01 phòng bảo vệ diện tích 3m2; 01 hội trường với diện tích 70m2; có 02 WC diện tích 17m2; nhà vệ sinh trẻ 17 m2 bố trí theo các dãy phòng, diện tích được thiết kế rộng rãi, sạch sẽ, có khu rửa tay, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt thuận tiện cho sử dụng, không ảnh hưởng đến môi trường; Hệ thống cung cấp nước sạch của nhà trường đáp ứng quy định tại khoản 1,3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học.

**CƠ SỞ 2:**

1. Diện tích khu đất xây dựng trường: 572,8 m2

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

 + Nhà trường có tổng diện tích xây dựng là 1.270 m2/73 trẻ, tỷ lệ bình quân 17.4 m2/ trẻ đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0698862/UBND ngày 31/05/1995

b. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng

- Hành chính quản trị: Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT: 01 phòng Hiệu trưởng diện tích 14m2; 01 Phòng y tế diện tích 10 m2;

- Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em: Nhà trường có 5 nhóm, lớp/7 phòng sinh hoạt chung diện tích 24 m2; Trường có 01 phòng nghệ thuật diện tích 45m2, 01 phòng làm quen tin học 34 m2, 01 phòng thư viện 24m2;

- Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn) Trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, diện tích 67m2/73 trẻ, bình quân 0.91m2/trẻ gồm khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, được thiết kế và tổ chức hoạt động theo quy trình bếp một chiều.

- Khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; 01 văn phòng trường, diện tích 45 m2; ; 01 hội trường với diện tích 108m2; có 02 WC diện tích 28m2; nhà vệ sinh trẻ 28m2 , có khu rửa tay, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt thuận tiện cho sử dụng, không ảnh hưởng đến môi trường; Hệ thống cung cấp nước sạch của nhà trường đáp ứng quy định tại khoản 1,3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học.

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có trang bị đầy đủ đồ dùng thiết bị cho các nhóm lớp, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, CSGD trẻ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 Ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho Giáo dục mầm non với 10 loại đồ chơi gồm 30 cái.

#  IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC5

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: Thực hiện hàng năm theo quy định; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường thực hiện hàng năm sau Tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 về đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1; Quyết định số 965/QĐ-SGDĐT ngày 05/7/2022 về đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2;

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong năm tiếp theo và hằng năm: Kế hoạch số 163 /KH-MNMN ngày 19/7/2024.

# V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC6

*(Khoản 2,3 Điều 7 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT*)

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép)

- Trường có 2 cơ sở ( CS1 đạt chuẩn-CS2 không đạt chuẩn)

- Tổng số nhóm, lớp: 9 (nhóm nhà trẻ: 01 nhóm và 8 lớp mẫu giáo) với 318 trẻ. Trong đó:

+ Nhóm 25-36 tháng: 01 nhóm, 24 trẻ.

+ Mầm (3-4 tuổi): 02 lớp, 74 trẻ.

+ Chồi (4-5 tuổi): 03 lớp, 106 trẻ.

+ Lá (5-6 tuổi): 03 lớp, 114 trẻ.

b. Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có): Không

c. Số trẻ em học 02 buổi/ngày 318/318

d. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú 318/318

đ. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ 318/318

e. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi trong địa bàn đến trường (10 khu vực) 114; học tại phường (trong 13 khu ) 67; đi học quận/huyện khác 47; đi học ngoài thành phố: 0. Tỉ lệ huy động trẻ 5-6 tuồi trong địa bàn đến trường 114/114, tỷ lệ 100%**.**

f. Số trẻ em khuyết tật: Không.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài): Không.

#  VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH7

*(Khoản 1,3,4 Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT*)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:
2. Các khoản thu phân theo:

 + Học phí, lệ phí : (Năm 2024 ):639.818.221

 + Thu thoả thuận PHHS (NH23-24) :2.947.180.000

 Trong đó Tiền ăn : 1.890.985.000

 VSP+Gas : 173.313.000

 Hỗ trợ PVAS: 401.394.000

 Hỗ trợ bán trú : 481.488.000

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài: không;

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...)  **6.914.460.325**

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...)

 **Sửa chữa :**  - Lót gạch, thay nền : 9.558.000

 -Thang máy (số 1 ) : 19.386.000

 - Máy bơm PCCC : 5.600.000

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...)

 2.Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. Không có

Miễn giảm học phí : 900.000

Hỗ trợ học tập 750.000

Hỗ trợ ăn trưa : 800.000

 3.Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): 0

 -Tiền ăn : 0

 -VSP+Gas : 0

 -Hỗ trợ PVAS: 0

 -Hỗ trợ bán trú : 0

# VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC8

## Nâng cao chất lượng hoạt động, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

a) Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em

\* Những nội dung chính đã thực hiện

- Rà soát, đánh giá công tác y tế trường học áp dụng cho cơ sở GDMN theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT. Chỉ đạo nhân viên y tế xây dựng kế hoạch, thực hiện nghiêm công tác y tế trường học trong năm học, không có dịch bệnh xảy ra trong nhà trường.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc đảm bảo vệ sinh ATTP, có kiểm tra nhận xét đánh giá công tác VSATTP, có giấy cam kết đảm bảo VSATTP. Đảm bảo đấy đủ các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ.

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng thể lực bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức Y tế Thế giới.

- Phối hợp với Y tế địa phương phường Hòa Phú trong việc thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong đơn vị. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì so với đầu năm học.

- Thực hiện nghiêm túc công tác nuôi dưỡng, số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN.

- Gáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

- Theo dõi cân đo vẽ biểu đồ định kỳ theo quy định trẻ từ 25 tháng đến 5 tuổi cân đo 3 tháng/lần. Tổ chức khám sức khỏe 1 lần/năm học.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch phòng tránh các loại bệnh có sổ theo dõi trẻ bệnh, có đầy đủ các loại thuốc theo danh mục và dụng cụ sơ cứu theo quy định.

- Tổ chức phun thuốc sát khuẩn, thuốc diệt muỗi ngay từ đầu năm học, 2 lần/năm.

- Lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Ký kết hợp đồng cung cấp thực phẩm an toàn.

- Ban thể dục vệ sinh thực hiện nghiêm công tác kiểm tra đôn đốc đội ngũ thực hiện tốt các quy định về công tác vệ sinh trường học.

\* Kết quả đạt được (NH 2023-2024)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đầu năm** | **Cuối năm** | **Giảm/Tăng** |
| Tổng số học sinh | 318 | 318 | Giảm 0 trẻ |
| **Cân nặng** |  |
| Cân nặng bình thường | 229/318tỉ lệ 72% | 294/318tỉ lệ 92.45%, | Tăng 65 trẻTỉ lệ: 20.44%. |
| Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân | 12/318tỉ lệ 3.77% | Xóa | Giảm 12 trẻTỉ lệ 100% |
| Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cânmức độ nặng | 0 |  |  |
| **Chiều cao** |  |
| Chiều cao bình thường | 316/318tỉ lệ 99.37% | 316/318tỉ lệ 99.37% |  |
| **Nội dung** | **Đầu năm** | **Cuối năm** | **Giảm/Tăng** |
| Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi | 02/318tỉ lệ 0.63%, | 02/318tỉ lệ 0,63% |  |
| Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng |  |  |  |
| **Cân nặng so với chiều cao** |  |
| Trẻ bình thường | 229/318tỉ lệ 72% | 294/318tỉ lệ 92.45%, | Tăng 65 trẻTỉ lệ: 20.44%. |
| Trẻ SDD thể gầy còm | 0 |  |  |
| Trẻ SDD thể gầy còm mức độnặng | 0 |  |  |
| Trẻ thừa cân | 32/318tỉ lệ 10.06% | 4/318Tỉ lệ 1.25% | Giảm 28 trẻTỉ lệ 8.8% |
| Trẻ béo phì | 43/318tỉ lệ 13.52% | 18/318Tỉ lệ 5.66% | Giảm 25 trẻTỉ lệ 7.86% |

A0 Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

- Thực hiện Chương trình GDMN gắn với Chủ đề năm học 2023-2024 “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025.

+ Tập trung các giải pháp thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương . Chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025”; nhà trường đã tổ chức chuyên đề.

+ Triển khai, hướng dẫn giáo viên phát triển Chương trình GDMN trên cơ sở Chương trình do Bộ GDĐT ban hành, nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Bên cạnh đó đã hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện chuyên môn cho các nhóm trẻ trên địa bàn phường Phú Cường.

+ Tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả kho tài liệu, học liệu, các video trực tuyến dùng chung trên trang của Bộ GDĐT, đồng thời hỗ trợ cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với điều kiện của gia đình thông qua các ứng dụng zalo, facebook, website nhà trường.

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” về giáo dục An toàn giao thông cho trẻ mẫu giáo theo Kế hoạch số 2743/KH-SGDĐT ngày 01/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc triển khai Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cấp học giáo dục mầm non năm học 2023-2024; Kế hoạch số 2824/KH-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc về Kế hoạch triển khai công tác an toàn giao thông và Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cấp học giáo dục mầm non năm học 2024-2025; Kế hoạch số 1031/KH-PGDĐT ngày 10/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một về việc triển khai thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một năm học 2021 – 2022, Kế hoạch số 2181/PGDĐT-GDMN ngày 07/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch triển khai công tác an toàn giao thông và Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cấp h ọc giáo dục mầm non năm học 2024 – 2025, Kế hoạch số 1904/KH-PGDĐT-GDMN ngày 08/11/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch triển khai Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong cấp học giáo dục mầm non năm học 2023 – 2024;

+ Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động kỹ năng sống, trãi nghiệm: Khối Lá tham quan trường Tiểu học, tham quan doanh trại bộ đội. Tổ chức các ngày lễ hội như: Ngày hội đến trường của bé, Tết Trung thu, Chuỗi hoạt động chào mừng ngày 20/11; Lễ hội Tết- mùa xuân, Bé vào lớp 1, Lễ tổng kết năm học -1/6, Hội thi bé kể chuyện, Bé với an toàn giao thông, Rung chuông vàng Tiếng Anh ….

- Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh

+ Nhà trường căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo và Công văn số 3090//SGDĐT-GDMN ngày 20/10/2022 hướng dẫn triển khai thực hiện việc tổ chức cho trẻ em mẫu giáo làm quen tiếng Anh. Triển khai tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả, đúng quy định; lựa chọn, sử dụng tài liệu đã được Bộ GDĐT phê duyệt.

- Các hoạt động đã thực hiện chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một:

+ Giáo viên rèn kiến thức, kỹ năng: nhận biết chữ cái, số lượng, chữ số cách cầm viết, tư thế ngồi học, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng tự phục vụ, tâm lý…. cho các bé 5 tuổi để chuẩn bị tâm thế vào lớp một. Tổ chức cho các bé Khối Lá tham quan trường tiểu học Việt Anh, trường tiểu học Mericuri với số lượng 112 trẻ.

+ Thực hiện các biện pháp truyền thông đến các bậc cha mẹ trẻ về công tác chuẩn bị tâm thế cho trẻ 5 tuổi bước vào lớp 1: trên trang Website của trường, trang Facbook, Zalo nhóm lớp…..

+ Nhà trường xây dựng kho học liệu cho CBGV sử dụng và lưu trữ các bài giảng của nhà trường gồm các nội dung về chủ đề hàng tháng, kiến thức chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, tổ chức hội thi “Xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ”. Qua kho tài liệu, học liệu, các video trực tuyến và nền tảng Zalo, Youtube… giáo viên đã có rất nhiều kiến thức hay, mới, nhanh chóng, tiện lợi, ít tốn kém để nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn.

Trên đây là báo cáo thường niên về thực hiện chương trình giáo dục Mầm non của trường Mầm non Măng Non năm 2024./.

#  THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

 **Nguyễn Thị Phượng Liên**

1 Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

2 Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

3 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

4 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

5 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

6 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

7 Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

8 Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.